

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HOÁ CHẤT DẦU KHÍ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Số: 161 /CMT-HĐQT
V/v CBTT báo cáo tài chính năm 2016
(đã kiểm toán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Trung
2. Mã chứng khoán: PCE
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A2, Cụm Công Nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
4. Điện thoại: 056.3848488 Fax: 056.3848588
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Quyền, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty.
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được lập ngày 31/12/2016 (đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán) bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình: Lợi nhuận trước thuế năm 2016 giảm 12% so với năm 2015 là do chi phí quản lý và chi phí bán hàng năm 2016 tăng 18%, sản lượng tiêu thụ năm 2016 giảm 7% so với năm 2015 nên lợi nhuận năm 2016 giảm hơn so với cùng kỳ năm trước.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.pce.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- P.TCKT;
- P.TCHC (đăng tin website);
- Lưu: VT, Thư ký Cty (LT).

Đính kèm:

BCTC năm 2016 đã kiểm toán.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
THÀNH VIÊN HĐQT



Nguyễn Văn Quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2016)
Ông Cao Trung Kiên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Tuấn Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Phạm Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Luận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Mai Minh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Nam	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2016)
Ông Cao Trung Kiên	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Mai Thanh Hải	Phó Giám đốc
Ông Mai Minh Phương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Tuấn Nam
Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017 *Như*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.787.164.341	207.235.997.002
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	63.204.394.507	107.126.128.345
1. Tiền	111		8.204.394.507	17.126.128.345
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	90.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	20.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.161.092.441	25.777.482.051
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21.025.962.274	14.027.029.948
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.628.548.064	6.860.161.950
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.506.582.103	4.890.290.153
IV. Hàng tồn kho	140	10	32.137.447.147	64.023.816.797
1. Hàng tồn kho	141		33.762.514.698	68.401.778.525
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.625.067.551)	(4.377.961.728)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.230.246	308.569.809
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	284.230.246	308.569.809
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.352.719.338	57.373.382.811
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		123.870.000	121.560.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		123.870.000	121.560.000
II. Tài sản cố định	220		45.938.729.174	50.727.990.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.289.979.517	29.040.433.768
- Nguyên giá	222		71.075.140.470	69.531.840.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.785.160.953)	(40.491.406.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	21.648.749.657	21.687.556.986
- Nguyên giá	228		22.256.641.250	22.137.641.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(607.891.593)	(450.084.264)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	519.402.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	519.402.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.290.120.164	6.004.430.057
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.095.540.511	5.977.871.793
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		194.579.653	26.558.264
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		196.139.883.679	264.609.379.813

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

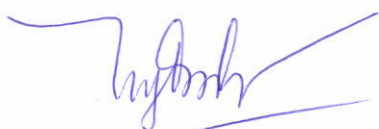
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.142.098.371	101.426.033.058
I. Nợ ngắn hạn	310		35.142.098.371	101.426.033.058
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.686.999.670	77.052.277.017
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	8.440.870.941	2.866.646.260
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.358.433.559	4.419.166.972
4. Phải trả người lao động	314		4.035.857.785	3.563.408.102
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		972.898.264	120.719.383
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.085.462.650	6.972.316.840
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.561.575.502	6.431.498.484
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.997.785.308	163.183.346.755
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	160.997.785.308	163.183.346.755
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.884.718.104	23.626.337.308
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.113.067.204	39.557.009.447
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		30.159.116.852	30.467.853.124
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.953.950.352	9.089.156.323
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		196.139.883.679	264.609.379.813



Phan Thị Tuyết Minh
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

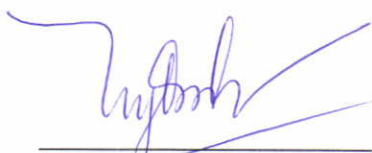
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.021.161.420.377	2.479.641.428.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	23.909.723.929	27.505.234.904
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	1.997.251.696.448	2.452.136.193.751
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.910.248.763.572	2.369.227.210.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		87.002.932.876	82.908.983.547
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.217.623.983	3.427.444.857
7. Chi phí tài chính	22		-	224.347.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	224.347.222
8. Chi phí bán hàng	25	23	35.934.951.956	29.366.977.789
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	24.996.705.996	22.352.989.728
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		31.288.898.907	34.392.113.665
11. Thu nhập khác	31	24	203.652.211	1.554.773.114
12. Chi phí khác	32	24	10.583	47.834.565
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	203.641.628	1.506.938.549
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31.492.540.535	35.899.052.214
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	6.492.946.000	7.967.758.588
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		(168.021.389)	(26.558.264)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.167.615.924	27.957.851.890
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.921	2.109


Phan Thị Tuyết Minh
Người lập biểu


Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng




Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam


MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.492.540.535	35.899.052.214
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.451.561.580	6.599.849.524
Các khoản dự phòng	03		(2.752.894.177)	4.096.585.791
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.166.800)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.217.623.983)	(3.427.444.857)
Chi phí lãi vay	06		-	224.347.222
Tài sản tăng do khuyến mại mua hàng	07		-	(821.128.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.970.417.155	42.571.261.894
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.132.100.946)	19.638.140.739
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.639.263.827	16.676.810.087
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(63.420.605.294)	44.271.677.069
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(93.329.155)	(42.939.387)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(256.972.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.953.963.611)	(7.842.838.981)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		646.000.000	370.371.700
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.869.100.353)	(7.432.280.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.213.418.377)	107.953.230.343
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.662.300.000)	(329.933.361)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(150.000.000.000)	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		140.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.963.804.539	3.433.486.524
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.698.495.461)	(6.896.446.837)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	35		-	(52.500.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.009.820.000)	(16.005.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.009.820.000)	(68.505.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(43.921.733.838)	32.551.503.506
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		107.126.128.345	74.574.624.839
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70		63.204.394.507	107.126.128.345


Phan Thị Tuyết Minh
Người lập biểu


Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng


Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 3 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mã chứng khoán là PCE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 58 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại Đắk Lắk và Quảng Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công ty thuê 20.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	186.869.421	6.930.582
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.017.525.086	17.119.197.763
Các khoản tương đương tiền (*)	55.000.000.000	90.000.000.000
	<u>63.204.394.507</u>	<u>107.126.128.345</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3% đến 5,0%/năm.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.384.173.818	1.902.113.444
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	11.322.847.500	1.880.934.822
Các khách hàng khác	61.326.318	21.178.622
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	9.641.788.456	12.124.916.504
	21.025.962.274	14.027.029.948

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	5.628.548.064	6.860.161.950
	5.628.548.064	6.860.161.950

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	663.479.093	3.958.985.264
Cục Thuế tỉnh Bình Định	-	3.392.111.904
Lãi tiền gửi dự thu	168.916.666	234.708.333
Phải thu khác	494.562.427	332.165.027
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	843.103.010	931.304.889
	1.506.582.103	4.890.290.153

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.330.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	106.950.800	-	-	-
Hàng hóa	33.654.233.898	(1.625.067.551)	68.401.778.525	(4.377.961.728)
Cộng	33.762.514.698	(1.625.067.551)	68.401.778.525	(4.377.961.728)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 1.625.067.551 đồng; đồng thời, Công ty hoàn nhập dự phòng đã trích tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do đã tiêu thụ được toàn bộ số hàng tồn kho bị giảm giá tại ngày này.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	60.758.946.457	454.718.500	5.979.029.335	2.339.146.178	69.531.840.470
Mua sắm mới	1.432.750.000	-	-	110.550.000	1.543.300.000
Số dư cuối năm	62.191.696.457	454.718.500	5.979.029.335	2.449.696.178	71.075.140.470
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	35.300.608.472	454.718.500	2.785.477.646	1.950.602.084	40.491.406.702
Trích khấu hao trong năm	5.257.112.934	-	867.659.645	168.981.672	6.293.754.251
Số dư cuối năm	40.557.721.406	454.718.500	3.653.137.291	2.119.583.756	46.785.160.953
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	25.458.337.985	-	3.193.551.689	388.544.094	29.040.433.768
Tại ngày cuối năm	21.633.975.051	-	2.325.892.044	330.112.422	24.289.979.517

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.938.807.568 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.527.303.416 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	22.022.177.889	115.463.361	22.137.641.250
Mua sắm mới	80.750.000	38.250.000	119.000.000
Số dư cuối năm	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	423.926.042	26.158.222	450.084.264
Trích khấu hao trong năm	113.780.608	44.026.721	157.807.329
Số dư cuối năm	537.706.650	70.184.943	607.891.593
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	21.598.251.847	89.305.139	21.687.556.986
Tại ngày cuối năm	21.565.221.239	83.528.418	21.648.749.657

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	284.230.246	308.569.809
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	190.618.421	177.387.158
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	93.611.825	131.182.651
b) Dài hạn	6.095.540.511	5.977.871.793
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.334.681.057	5.487.464.285
Chi phí trả trước dài hạn khác	760.859.454	490.407.508
	6.379.770.757	6.286.441.602

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Phải trả người bán khác	3.519.973.240	3.519.973.240	3.363.185.612	3.363.185.612
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.034.048.893	1.034.048.893	532.593.525	532.593.525
Công ty TNHH Vân Hùng Wine	855.000.000	855.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Ngô Gia Phát	-	-	1.557.600.000	1.557.600.000
Các nhà cung cấp khác	1.630.924.347	1.630.924.347	1.272.992.087	1.272.992.087
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	3.167.026.430	3.167.026.430	73.689.091.405	73.689.091.405
	6.686.999.670	6.686.999.670	77.052.277.017	77.052.277.017

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước khác	5.094.690.631	2.022.518.249
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T & A	144.830.000	311.899.760
Công ty TNHH Hồng Nhung	1.136.495.678	-
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	1.273.257.924	2.453.003
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	1.013.969.141	5.492.500
Các khách hàng khác	1.526.137.888	1.702.672.986
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	3.346.180.310	844.128.011
	8.440.870.941	2.866.646.260

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	469.103.847	1.366.565.065	1.192.124.888	643.544.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.430.996.504	6.492.946.000	7.953.963.611	1.969.978.893
Tiền thuê đất	-	49.200.000	49.200.000	-
Các loại thuế khác	519.066.621	2.646.497.651	2.420.653.630	744.910.642
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	519.066.621	2.641.497.651	2.415.653.630	744.910.642
Cộng	4.419.166.972	10.555.208.716	11.615.942.129	3.358.433.559

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	1.583.023.290	1.617.316.840
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	-	3.774.600
Cổ tức phải trả	1.502.600.000	1.512.420.000
Phải trả ngắn hạn khác	80.423.290	101.122.240
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	4.502.439.360	5.355.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
	6.085.462.650	6.972.316.840

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	22.228.444.713	30.467.853.124	152.696.297.837
Lợi nhuận trong năm	-	-	27.957.851.890	27.957.851.890
Trích lập quỹ	-	1.397.892.595	(6.868.695.567)	(5.470.802.972)
Trả cổ tức	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	23.626.337.308	39.557.009.447	163.183.346.755
Lợi nhuận trong năm	-	-	25.167.615.924	25.167.615.924
Trích lập quỹ (1)	-	1.258.380.796	(8.611.558.167)	(7.353.177.371)
Trả cổ tức (2)	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	24.884.718.104	36.113.067.204	160.997.785.308

(1) Căn cứ vào Nghị quyết số 176/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trích bổ sung Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.397.892.595 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty thực hiện tạm trích bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền tương ứng là 5.955.284.776 đồng và 1.258.380.796 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(2) Căn cứ vào Nghị quyết số 176/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông, tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 cho các cổ đông là 20% mệnh giá cổ phần tương đương 20.000.000.000 đồng. Trong năm 2015, Công ty đã tạm trích cổ tức với số tiền 12.000.000.000 đồng. Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện trích bổ sung cổ tức năm 2015 với số tiền 8.000.000.000 đồng đồng thời tạm trích cổ tức năm 2016 với số tiền 12.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000	4.900.000.000
Công ty TNHH Minh Tân	3,0%	3.000.000.000	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000	17.100.000.000
	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu phân bón	1.984.712.004.710	2.435.707.807.800
Doanh thu hóa chất	1.970.665.800	14.923.027.120
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.478.749.867	29.010.593.735
	2.021.161.420.377	2.479.641.428.655
Chiết khấu thương mại	23.032.688.929	27.405.994.904
Giảm giá hàng bán	877.035.000	99.240.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.997.251.696.448	2.452.136.193.751
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	684.407.444.593	969.055.923.124

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn phân bón	1.874.306.341.377	2.326.089.587.382
Giá vốn hóa chất	1.874.628.000	14.351.140.800
Giá vốn cung cấp dịch vụ	34.067.794.195	28.786.482.022
	<u>1.910.248.763.572</u>	<u>2.369.227.210.204</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	24.138.127.891	21.689.972.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.451.561.580	6.599.849.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.836.656.560	46.996.011.665
Chi phí khác bằng tiền	2.826.344.414	5.865.235.005
	<u>96.252.690.445</u>	<u>81.151.069.163</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	10.575.207.536	9.025.647.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.470.396.318	4.400.561.246
Các khoản chi phí bán hàng khác	19.889.348.102	15.940.768.797
	<u>35.934.951.956</u>	<u>29.366.977.789</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	13.177.468.239	12.664.325.223
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.819.237.757	9.688.664.505
	<u>24.996.705.996</u>	<u>22.352.989.728</u>

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập khác	203.652.211	1.554.773.114
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	184.357.472	718.570.521
Tài sản được khuyến mại	-	827.102.593
Thu nhập khác	19.294.739	9.100.000
Chi phí khác	10.583	47.834.565
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	-	16.312.893
Chi phí khác	10.583	31.521.672
Lợi nhuận khác	<u>203.641.628</u>	<u>1.506.938.549</u>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	31.492.540.535	35.899.052.214
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	972.189.465	83.752.615
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	32.464.730.000	35.982.804.829
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.492.946.000	7.916.217.062
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	51.541.526
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.492.946.000	7.967.758.588

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.167.615.924	27.957.851.890
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	5.955.284.776	6.868.695.567
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.212.331.148	21.089.156.323
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.921	2.109

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152.783.228	152.783.228

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m² tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m²/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Cùng Tập đoàn
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	Cổ đồng
Công ty TNHH MTV Minh Tân	Cổ đồng

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

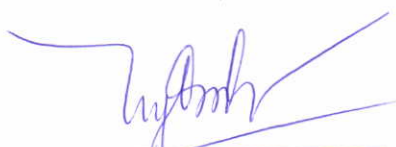
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Bán hàng	649.988.307.294	940.500.351.268
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	33.652.875.975	47.300.015.400
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	13.547.893.750	31.229.090.000
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.970.665.800	14.923.027.120
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	660.450.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	7.770.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	557.761.421.769	779.040.448.748
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	42.395.000.000	68.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	34.419.137.299	28.555.571.856
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.234.587.620	9.434.998.227
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	30.153.809.676	18.748.611.683
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	198.911.553
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	470.363	10.521.800
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	5.100.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	30.269.640	157.428.593
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.815.517.337.371	2.230.037.605.618
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.376.860.825.448	1.501.656.073.672
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	248.348.461	1.233.676.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	340.105.364.912	609.695.535.557
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	629.446.882
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	66.240.000	232.980.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	6.183.000.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	358.990.522	522.117.928
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	56.083.500	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	90.614.302.500	115.183.622.591
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	20.700.000	84.600.000
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	920.074.208	799.552.988
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	24.392.720	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	59.015.100	-
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	15.000.000.000	12.000.000.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	5.158.702.014	5.378.061.808

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	9.641.788.456	12.124.916.504
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.572.273.456	3.932.676.259
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	33.000	3.261.323.890
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	6.361.355
Công ty TNHH MTV Minh Tân	7.069.482.000	4.924.555.000
Trả trước cho người bán	5.628.548.064	6.860.161.950
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.328.548.064	6.775.338.200
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	84.823.750
Công ty TNHH MTV Minh Tân	1.300.000.000	-
Phải thu khác	843.103.010	931.304.889
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	464.603.010	872.416.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	378.500.000	58.888.889
Phải trả người bán	3.167.026.430	73.689.091.405
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	73.374.670
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.072.220.849	687.273.829
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	94.805.581	54.253.889
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	72.874.189.017
Người mua trả tiền trước	3.346.180.310	844.128.011
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	54.600.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	141.744.025	120.464.600
Công ty TNHH MTV Minh Tân	2.543.986.285	669.063.411
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	660.450.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.502.439.360	5.355.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.502.439.360	5.355.000.000
- Cổ tức	4.500.000.000	4.500.000.000
- Ứng trước thực hiện chương trình Tết vì người nghèo	-	855.000.000
- Phải trả khác	2.439.360	-



Phan Thị Tuyết Minh
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng




Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017